

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày 14-7-2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông K'Bar

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Lương Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2020/TLST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn A; địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bà Vũ Thị M, địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn A, có mặt (văn bản ủy quyền ngày 23-12-2020).

Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn A trình bày:

Vào ngày 28-11-2017 anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H có đến nhà ông Lê Văn A vay số tiền là 20.000.000đ, ngày 04-6-2018 anh Bùi Văn T tiếp tục vay của gia đình ông A số tiền 10.000.000đ, tổng số tiền anh T, chị H đã vay là

30.000.000đ, cả hai lần cho vay, anh T có lập giấy viết tay, giao nhận tiền tại nhà ông A; mục đích vay tiền mua xe chở hàng; hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 35%/tháng; toàn bộ khoản tiền vay anh T, chị H hẹn đến ngày 28-11-2018 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi; tuy nhiên kể từ khi vay cho đến nay, anh T, chị H chưa trả được khoản tiền gốc và tiền lãi, mặc dù ông A đã nhiều lần đến nhà yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền trên, tuy nhiên anh T, chị H viện hết lý do này đến lý do khác mà không trả, do vậy ông A làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị H phải trả số tiền gốc đã vay là 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28-11-2017 là 52.404.000đ. Tổng số tiền anh T, chị H phải trả là 82.404.000đ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông A thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị H phải trả số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi suất 20%/năm kể từ thời điểm vay đối với từng khoản vay đến ngày Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Văn T, tuy nhiên anh T không hợp tác làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-01-2021 và ngày 23-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đối với chị Nguyễn Thị H (vợ anh T) trình bày: Khoảng năm 2017 gia đình chị có vay của gia đình ông Lê Văn A nhiều lần, sau đó cộng tổng số tiền vay thành 30.000.000đ, khi vay anh Bùi Văn T là người viết giấy vay và nhận tiền; mục đích vay để đầu tư mua dầu khoan giếng, do người dân không trả tiền cho gia đình chị nên gia đình chị chưa trả được khoản tiền đã vay cho gia đình ông A. Khi vay hai bên có thỏa thuận mức lãi suất 35%/tháng, gia đình chị có trả lãi được một thời gian đầu, về sau thì không trả được, khi trả lãi hai bên không lập giấy tờ. Hiện nay chị xác nhận còn nợ của gia đình ông A số tiền gốc là 30.000.000đ và khoản tiền lãi phát sinh. Trong quá trình làm việc, chị H đề nghị được trả toàn bộ số tiền gốc và lãi trước tết âm lịch năm 2020, tuy nhiên đến tháng 3 năm 2021 do không lấy được tiền nợ nên chưa trả được, nay chị đồng ý trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho ông A theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M trình bày: Năm 2017 gia đình bà có cho anh T, chị H vay số tiền là 30.000.000. cho vay làm hai lần, lần đầu 20.000.000đ, lần sau 10.000.000đ, khi cho vay có viết giấy vay, anh T hẹn cuối năm 2018 sẽ trả cả gốc và lãi, tuy nhiên đến nay anh T, chị H không trả, do vậy gia đình bà khởi kiện yêu cầu trả cả gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M, buộc anh T, chị H phải trả số tiền gốc đã vay là 30.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lê Văn A yêu cầu bị đơn anh Bùi Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, thường trú tại Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trả số tiền đã vay 30.000.000đ. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn A yêu cầu anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền đã vay là 30.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét giấy vay tiền viết tay đề ngày 28-11-2017 và 04-6-2018 do nguyên đơn cung cấp thể hiện, ông Lê Văn A có cho anh Bùi Văn T vay tổng số tiền là 30.000.000đ, cho vay làm hai lần, lần đầu cho vay số tiền 20.000.000đ, lần hai cho vay số tiền 10.000.000đ, toàn bộ số tiền vay anh T hẹn trả vào ngày 28-11-2018; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành làm việc được với anh T nên không ghi nhận được ý kiến của anh T đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu anh phải trả, tại biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H là vợ anh T, thừa nhận có vay của gia đình ông A số tiền 30.000.000đ và hiện nay đang còn nợ số tiền trên; quá trình giải quyết vụ án, ông A cung cấp giấy hẹn trả nợ do chị Nguyễn Thị H viết, thể hiện gia đình chị có vay của ông A tổng số tiền 30.000.000đ với lãi suất 35%/tháng, hẹn cuối năm 2018 trả nhưng do làm ăn thua lỗ nên chưa trả được và hẹn trả vào ngày 20-5-2021, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Như vậy, việc anh T, chị H có vay của gia đình ông A số tiền 30.000.000đ là có thật. Xét thấy, hiện nay số tiền anh T, chị H vay của gia đình ông A đã quá thời hạn trả nợ và quá thời hạn xin gia hạn trả nợ, như vậy anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, do vậy cần buộc anh T, chị H phải trả số tiền gốc đã vay là 30.000.000đ, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền 30.000.000đ kể từ thời điểm vay đối với từng khoản vay đến ngày Tòa án giải quyết theo mức lãi suất 20%/năm, Hội đồng xét xử nhận định: Xét hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có thỏa thuận mức lãi suất là 35%/tháng kể từ thời điểm vay đến thời điểm trả nợ (việc thỏa thuận lãi suất ông A và chị H đều thừa nhận); thời hạn vay của khoản tiền 20.000.000đ là ngày 28-11-2017, khoản tiền vay 10.000.000đ là 04-6-2018 (âm lịch, dương lịch là ngày 16-7-2018); thời hạn trả nợ của toàn bộ số tiền trên là ngày 28-11-2018. Đối với thỏa thuận lãi suất của các bên trong hợp đồng là 35% là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ

luật dân sự năm 2015, quá trình giải quyết ông A thay đổi yêu cầu tính lãi, không yêu cầu anh T, chị H trả số tiền lãi là 52.404.000đ mà chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi là 20%/năm đối với từng khoản vay kể từ khi vay đến ngày xét xử là phù hợp; trong quá trình giải quyết chị H trình bày có trả được một phần lãi suất nhưng không nhớ cụ thể số tiền và thời gian trả, không cung cấp được tài liệu chứng cứ, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, nên cần buộc anh T, chị H phải trả khoản tiền lãi vay trong hạn của số tiền 20.000.000đ tính đến ngày 15-7-2018 là 2.520.548 đồng ($20.000.000đ \times 20\%/năm \times 230$ ngày); kể từ ngày 16-7-2018 của số tiền vay 30.000.000đ là 2.235.616 đồng ($30.000.000đ \times 20\%/năm \times 136$ ngày). Kể từ ngày 29-11-2018 anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền yêu cầu mức lãi suất chậm trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng (tương đương 30%/năm), tuy nhiên ông A chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi suất 20% của số tiền vay nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể buộc anh T, chị H phải trả cho ông A số tiền lãi là $20\%/năm \times 30.000.000đ \times 959$ ngày (kể từ ngày 29-11-2018 đến 14-7-2021) là 15.764.384 đồng. Tổng số tiền lãi anh T, chị H phải trả là 20.520.548 đồng.

[4]. Về án phí: Bị đơn anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị H phải nộp án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn A.

Buộc anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Văn A tổng số tiền là 50.520.548đ (*năm mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*); trong đó tiền gốc là 30.000.000đ, tiền lãi là 20.520.548đ.

Kể từ ngày ông Lê Văn A có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền nêu trên, nếu anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị H không trả thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.526.027 đồng (*hai triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Lê Văn A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.060.000đ (*hai triệu không trăm sáu mươi nghìn*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005752 ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng